

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Vô tuyến điện và Truyền thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Thị Phương Mai

2. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1985; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Xuân Bái, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 453 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng; 54 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0934886846;

E-mail: lpmai@dut.udn.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2011 đến 06/2024: Giảng viên tập sự, Giảng viên, Giảng viên chính tại Khoa Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Từ 11/2015 đến 04/2019: Nghiên cứu sinh tại Khoa Công nghệ Thông tin, Điện tử và Truyền thông, Đại học Roma Sapienza, Italia

Từ 05/2019 đến 01/2020: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Khoa Công nghệ Thông tin, Điện tử và Truyền thông, Đại học Roma Sapienza, Italia

Chức vụ hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Liên chi đoàn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 54 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 02363842308

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 27 tháng 06 năm 2009, số văn bằng: BMA0054376, ngành: Kỹ thuật và Công nghệ, chuyên ngành: Viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Liên bang Miền Nam, Liên Bang Nga

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 25 tháng 06 năm 2011, số văn bằng: BMA0002902, ngành: Kỹ thuật và Công nghệ, chuyên ngành: Viễn thông

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Liên bang Miền Nam, Liên Bang Nga

- Được cấp bằng TS [5] ngày 18 tháng 02 năm 2019, số văn bằng: 15718, ngành: Công nghệ thông tin và Truyền thông, chuyên ngành: Viễn thông

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Roma Sapienza, Italia

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Đại học Đà Nẵng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Nghiên cứu các giới hạn lý thuyết của hệ thống truyền thông không dây.

- **Hướng nghiên cứu 2:** Tối ưu hóa các chỉ số hiệu năng của hệ thống truyền thông không dây.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở; 2 cấp Khác;

- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy khen Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng vì "Đã đạt thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2011-2012"	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	2012
2	Giấy khen Giám đốc Đại học Đà Nẵng vì "Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2012-2013"	Đại học Đà Nẵng	2013
3	Giấy khen Giám đốc Đại học Đà Nẵng vì "Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2013-2014"	Đại học Đà Nẵng	2014
4	Giấy khen Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng vì "Đã đạt thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022"	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	2022

		Năng	
5	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	2023
6	Giấy khen của Công đoàn Đại học Đà Nẵng vì "Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2022-2023"	Đại học Đà Nẵng	2023
7	Giấy khen của Công đoàn Đại học Đà Nẵng vì "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Giỏi việc trường - Đảm việc nhà" giai đoạn năm học 2021-2023"	Đại học Đà Nẵng	2024
8	Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng vì "Đã có bài báo khoa học xuất sắc được công bố trên tạp chí khoa học uy tín"	Thành phố Đà Nẵng	2023
9	Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng vì "Đã có bài báo khoa học xuất sắc được công bố trên tạp chí khoa học uy tín"	Thành phố Đà Nẵng	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống: Luôn chấp hành tốt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đúng và đầy đủ các nội quy, quy định của Nhà trường, Khoa, Bộ môn, Đoàn thể và nơi cư trú; có lối sống trung thực, giản dị, luôn vui vẻ, hoà đồng với mọi người; sống và làm việc nghiêm túc, gương mẫu, có trách nhiệm, hòa đồng cùng đồng nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết với sinh viên; giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, đồng thời tôn trọng, đối xử công bằng, lắng nghe, và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học.

b. Về chuyên môn, giảng dạy: Luôn trau dồi chuyên môn, luôn chủ động cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chủ động giao lưu và hợp tác nghiên cứu quốc tế. Ứng viên đã được đào tạo chính quy các cấp, cụ thể:

- Hoàn thành 01 kỳ chương trình kỹ sư chất lượng cao PFIEV (2003-2004) tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng;
- Chuyển tiếp và hoàn thành chương trình đại học (2004-2009) chuyên ngành Viễn thông tại Đại học Liên Bang miền Nam, Liên bang Nga;
- Tốt nghiệp thạc sĩ (2009-2011) chuyên ngành Viễn thông tại Đại học Liên Bang Miền Nam, Liên bang Nga;
- Tốt nghiệp tiến sĩ (2015-2019) ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Đại học Roma Sapienza, Italia;
- Hoàn thành chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ (2019-2020) tại Khoa Công nghệ thông tin, Điện tử và Truyền thông, Đại học Roma Sapienza, Italia;

- Hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- Hoàn thành chương trình liên minh giáo dục đại học ngành kỹ thuật HEEAP (Higher Engineering Education Alliance Program) (23/7/2012-31/8/2012) tại Đại học Arizona, Hoa Kỳ;
- Giảng dạy các học phần chuyên môn cho các chương trình đào tạo đại học và cao học, luôn có ý thức nâng cao phương pháp và chất lượng giảng dạy;
- Thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của giảng viên trong giảng dạy, công tác ra đề thi và chấm thi; chấp hành nghiêm chỉnh quy chế giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Bách khoa;
- Giảng dạy học phần Ultra-Wideband Communications cho SV năm II, chương trình thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin và truyền thông tại Khoa Công nghệ thông tin, Điện tử và Truyền thông, Đại học Roma Sapienza, Italia.

c. Nghiên cứu khoa học: Có niềm đam mê và năng lực trong NCKH; luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ NCKH với nhiều đề tài NCKH, nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, hội thảo khoa học quốc tế và các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước trong danh mục được Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước công nhận. Ngoài ra các đóng góp khác của ứng viên trong NCKH có thể kể đến như sau:

- Chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở, cấp Bộ và Nafosted;
- Là ứng viên hai năm liên tiếp nhận học bổng sau tiến sĩ do Quỹ đổi mới và sáng tạo VINIF tài trợ (2021, 2022) và đều đã nghiệm thu đúng thời hạn;
- Là phản biện viên thường xuyên của các tạp chí quốc tế uy tín (25 bài phản biện được Web of Science ghi nhận) như IEEE Transaction on Communications (TCOM), IEEE Transaction on Wireless Communications (TWC), IEEE Transaction on Vehicular Technology (TVT), IEEE Communications Letter (CL), IET Signal Processing;
- Là biên tập viên khu vực Châu Á (Regional Editor Asia) cho tạp chí International Journal of Ultra Wideband Communications and Systems, nhà xuất bản Inderscience, thuộc danh mục Scopus: <https://www.inderscience.com/jhome.php?jcode=ijuwbc&csid=e11a99c00d2f690f2e909bab371ca962>;
- Tham gia cùng xây dựng cộng đồng nghiên cứu khoa học tại Việt Nam cũng như trên thế giới qua các hình thức tổ chức, phản biện, nộp bài báo khoa học và chủ trì các phiên chuyên ngành (session chair) của các hội thảo/hội nghị do IEEE tổ chức như Hội nghị quốc tế về các công nghệ tiên tiến trong truyền thông ATC, Hội nghị quốc tế về điện tử viễn thông ICCE.

d. Về công tác khác: Không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt về tư tưởng chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ và tin học; sử dụng và khai thác tốt các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại để đáp ứng yêu cầu cao của giáo dục đại học và sau đại học trong tình hình mới; tích cực tham gia các công tác khác như tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH các cấp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013				21	135		135/667.4/238

2	2014-2015				6	90		90/331.7/175.3
3	2020-2021				3	120		120/320.3/162
03 năm học cuối								
4	2021-2022			1	2	180	30	210/453/169
5	2022-2023			1	6	270		270/470.8/229.5
6	2023-2024					510		510/591.8/229.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: Cộng hòa Italia năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Roma Sapienza, Italia, học phần Ultra Wideband Communications, chương trình thạc sĩ, năm học 2019-2020; Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng, Việt Nam, học phần Thông tin vô tuyến (Wireless Communications), chương trình tiên tiến Việt - Mỹ, năm học 2023-2024

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5 (năm 2010 và 2014)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Anh Tú		X	X		10/2021 đến 08/2022	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	16/09/2022
2	Nguyễn Trung Hiếu		X	X		10/2022 đến 08/2023	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	13/09/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ tran g ... đến tran g)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Lý thuyết mạch điện tử 2	GT	Khoa học và Kỹ thuật; ISBN: 978- 604-67- 2126-0, năm 2021	5	VC	(117- 150)	QĐ công nhận giáo trình phục vụ đào tạo số 345/QĐ-ĐHBK ngày 27/01/2022
2	Chương sách quốc tế “Non- cooperative and cooperative spectrum sensing in 5G cognitive networks” của sách “Handbook of Cognitive Radio	TK	Springer Nature Singapore Pte; eISBN 978-981-10- 1394-2, năm 2019	4	VC	(185- 205)	
3	Chương sách quốc tế “Code- domain NOMA in 5G communications and beyond” của sách “The 5G Italy Book 2019: A Multiperspective View of 5G”	TK	CNIT (National, Inter- University Consortium for Telecommu- nications); ISBN: 9788832170 030, năm 2019	4	CB	(267- 280)	

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu sự tối ưu hóa hiệu suất phổ và tăng độ tin cậy truyền dữ liệu trong mạng di động tốc độ cao bằng phương pháp kết hợp mã sửa lỗi với kỹ thuật yêu cầu lập lại tự động	CN	T2013-02-71, cấp Cơ sở	01/01/2013 đến 31/12/2013	Xếp loại: Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu kỹ thuật đa truy cập phi trực giao NOMA kết hợp công nghệ massive MIMO cho mạng truy cập vô tuyến sau 5G	CN	B2021-DNA-01, cấp Bộ	01/01/2021 đến 31/12/2022	10/02/2023 Xếp loại: Đạt
3	Nghiên cứu hiệu suất phổ của hệ thống tích hợp anten thông minh massive MIMO và UAV trong truyền thông V2X	CN	VINIF.2021.STS.19, cấp Khác	05/11/2021 đến 4/11/2022	23/11/2022 Xếp loại: Đạt
4	Nghiên cứu hiệu suất phổ của hệ thống tích hợp anten thông minh massive MIMO và UAV trong truyền thông V2X	CN	VINIF.2022.STS.08, cấp Khác	14/12/2022 đến 13/12/2023	04/01/2024 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố

						trích dẫn)		
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Đề xuất phương pháp nâng cao chất lượng truyền dữ liệu trong truyền thông không dây	1	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		55, 6, 21-29	06/2012
2	Ước lượng kênh truyền trong hệ thống SC-FDMA sử dụng trạm chuyên tiếp hai chiều	3	Không	Hội thảo quốc gia 2014 về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ thông tin (ECIT2014); ISBN: 978-604-67-0349-5	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		450-457	09/2014
3	Performance Evaluation of Non-prefiltering vs. Time Reversal Prefiltering in Distributed and Uncoordinated IR-UWB Ad-Hoc Networks	6	Không	Mobile Networks and Applications; eISSN: 1572-8153, Print ISSN: 1383-469X	Có - SCIE IF: 3.8, Q1	8	22 796-805	10/2017
4	Performance Comparison of WiFi and UWB Fingerprinting Indoor Positioning Systems	4	Không	Technologies; ISSN: 2227-7080	- ESCI IF: 3.6, Q1	37	6, 1, 14-30	01/2018
5	muMAB: A Multi-Armed Bandit Model for Wireless Network Selection	6	Không	Algorithms; ISSN: 1999-4893	- ESCI IF: 2.3, Q1	40	11, 2, 13-35	01/2018
6	Fundamental Limits of Low-Density Spreading NOMA With Fading	4	Có	IEEE Transactions on Wireless Communications; eISSN: 1558-2248	Có (ISI uy tín) - SCIE IF: 10.4, Q1	32	17, 7, 4648-4659	04/2018

7	On information-theoretic limits of code domain NOMA for 5G	5	Có	IET Communications; eISSN: 1751-8636, Print ISSN: 1751-8628	Có - SCIE IF: 1.6, Q2	35	12, 15, 1864-1871	08/2018
8	Microcellular system IP-DECT	2	Có	Сборник тезисов докладов III-Всероссийской научной конференции молодых ученых, аспирантов и студентов «Роль системотехники в инженерных исследованиях»	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		15-17	11/2009
9	The Performance of Hybrid Automatic Request Repeat System with Turbo Code	1	Có	Proceedings of the 4-th International scientific conference – Problems of present day system engineering 2010; ISBN: 978-5-88040-075-1	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		42-47	10/2010
10	Data transmission System with Hybrid Automatic Repeat Request (HARQ)	1	Có	Proceedings of the scientific conference – Theoretical and methodical problems of radio engineering systems effective functioning; ISBN: 978-5-91241-145-8	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		165-175	11/2011
11	Multiuser Precoding in MIMO Two-Way Relay Transmission	4	Không	IEEE Fifth International Conference on Ubiquitous and Future Networks (ICUFN 2013), ISBN:978-1-4673-5990-0, eISSN: 2165-8536	- Scopus		139-143	09/2013
12	Optimization of Channel Quality Information in Multi-Hop Relay Network	3	Không	Proceeding of 2nd International Workshop on Industrial IT Convergence (WIITC 2014)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		69-73	02/2014

13	Study The Effectiveness of Pilot Symbols for Channel Estimation in LTE/LTE Advanced Systems	3	Không	Proceeding of 2nd International Workshop on Industrial IT Convergence (WIITC 2014)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		110-115	02/2014
14	Capacity bounds of Low-Dense NOMA over Rayleigh fading channels without CSI	6	Có	25th International Conference on Telecommunications (ICT)	- Scopus		428-432	09/2018
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
15	On The Performance of MIMO AF Full-Duplex Joint Antenna and Relay Selection Network	4	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		18, 12.2, 25-30	12/2020
16	Spectral Efficiency Optimization for Full Duplex Multi-User MIMO Network	5	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		18, 12.2, 43-48	12/2020
17	Design of Silicon TE0/TE1 Mode Router Using Mach-Zehnder and Multimode Interferometers	8	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	3	18, 6.2, 22-27	06/2021
18	On The Optimization of Weighted Sum Rate for MIMO Broadcast Channels	3	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	3	20, 6.2, 44-50	06/2022
19	On the Robust design for IoT-based Wireless Information and	2	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	20, 12.2, 19-24	12/2022

	Power Transmission network			Technology; ISSN: 1859-1531				
20	Tối ưu hiệu suất năng lượng cho hệ thống Massive MIMO đường xuống	3	Có	Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		21, 5, 57-61	05/2023
21	Nghiên cứu Mô hình Kênh truyền Cho hệ thống sử dụng bề mặt phản xạ thông Minh	2	Có	Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		21, 10, 66-71	10/2023
22	Nâng cao chất lượng trải nghiệm dịch vụ của người dùng cho mạng thông tin thế hệ mới	3	Có	Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		22, 5A, 42-45	05/2024
23	Tối ưu hiệu suất năng lượng của hệ thống Massive MIMO kết hợp điện toán biên di động	2	Có	Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng; ISSN: 1859-1531	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		22, 5A, 71-74	05/2024
24	Ứng dụng học máy trong việc tăng hiệu suất phổ hệ thống NOMA MASSIVE MIMO	5	Không	2022 Conference on Information Technology and its Applications (CITA); ISBN: 978-604-84-6711-1	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		559-568	07/2022
25	Rate Fairness and Power Consumption Optimization for NOMA-Assisted Downlink Networks	5	Không	Energies; ISSN: 1996-1073	- SCIE IF: 3.2, Q1	7	14, 1, 58-76	12/2020
26	Code-Domain NOMA in Massive	4	Có	IEEE Transactions on Vehicular Technology; eISSN: 1939-9359	Có (ISI uy tín) - SCIE IF: 6.8, Q1	17	70, 5, 4709-4723	04/2021

	MIMO: When Is It Needed?							
27	A compact 1×3 two-mode selective silicon photonic router/switch using two tunable phase shifters	9	Không	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems; ISSN: 2410-0218	- Scopus <i>IF</i> : 0.511, <i>Q2</i>		8, 28, 1-10	09/2021
28	Tolerance of SCM Nyquist and OFDM signals for heterogeneous fiber-optic and millimeter-wave mobile backhaul links under the effect of power amplifier saturation induced clipping	7	Không	Computer Networks; eISSN: 1872-7069, Print ISSN: 1389-1286	Có (ISI uy tín) - SCIE <i>IF</i> : 5.6, <i>Q1</i>	5	204 108697-108705	01/2022
29	On the Energy Efficiency Maximization of NOMA-Aided Downlink Networks With Dynamic User Pairing	5	Không	IEEE Access; eISSN: 2169-3536	Có (ISI uy tín) - SCIE <i>IF</i> : 3.9, <i>Q1</i>	3	10 35131-35145	03/2022
30	Joint UAV Placement and IRS Phase Shift Optimization in Downlink Networks	4	Không	IEEE Access; eISSN: 2169-3536	Có (ISI uy tín) - SCIE <i>IF</i> : 3.9, <i>Q1</i>	9	10 111221-111231	10/2022
31	Optimal User Pairing Approach for NOMA-based Cell-free Massive MIMO Systems	5	Không	IEEE Transactions on Vehicular Technology; eISSN: 1939-9359	Có (ISI uy tín) - SCIE <i>IF</i> : 6.8, <i>Q1</i>	12	72, 4, 4751-4765	12/2022

32	Robust 3D Beamforming for Secure UAV Communications by DAE	7	Không	Mobile Networks and Applications; eISSN: 1572-8153	Có - SCIE IF: 3.8, Q1	1	28, 3, 1197-1205	05/2023
33	QoE-Aware Power Allocation for Aerial-Relay Massive MIMO Networks	4	Có	IEEE Transactions on Network and Service Management; eISSN: 1932-4537	Có - SCIE IF: 5.3, Q1	4	21, 10, 477-489	09/2023
34	DDPG-Based Optimization for Zero-Forcing Transmission in UAV-Relay Massive MIMO Networks	4	Có	IEEE Open Journal of the Communications Society; eISSN: 2644-125X	Có (Top 15% WoS TELECOM MUNICATIONS) - ESCI IF: 7.9, Q1		5, 2319-2332	04/2024
35	Optimizing Beamforming in IoT-WET: A Symbiotic-based Approach Under Imperfect Channel State Information	5	Có	Physical communications; Print ISSN: 1874-4907, eISSN: 1876-3219	Có - SCIE IF: 2.2, Q2		65, 102370-102377	05/2024
36	A Sum Rate Maximization for IRS-aided Broadcast SWIPT with Time-Switching Structure and Nonlinear Energy Harvester	5	Không	ETRI Journal; eISSN:2233-7326, Print ISSN:1225-6463	- SCIE IF: 1.4, Q2		1-16	05/2024
37	What is the Benefit of Code-domain NOMA in Massive MIMO?	4	Có	IEEE 30th Annual International Symposium on Personal, Indoor and Mobile Radio Communications (PIMRC); Electronic ISBN:978-1-5386-	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	11	1-5	11/2019

				8110-7, eISSN: 2166-9589				
38	Optimization of UAV-mounted Intelligent Reflecting Surface for the Downlink of Cellular Systems	4	Không	2022 IEEE Ninth International Conference on Communications and Electronics (ICCE); eISBN:978-1-6654-9745-9	- Scopus		101-106	08/2022
39	On the Spectral Efficiency Analysis and Optimization for UAV-Relay Massive MIMO Network	5	Có	2022 IEEE Ninth International Conference on Communications and Electronics (ICCE); eISBN:978-1-6654-9745-9	- Scopus		118-123	08/2022
40	Optimal User Pairing for NOMA-assisted Cell-free Massive MIMO System	4	Không	2022 IEEE Ninth International Conference on Communications and Electronics (ICCE); eISBN:978-1-6654-9745-9	- Scopus		7-12	08/2022
41	Energy efficiency optimization for Massive MIMO network: A Neural Network-based Approach	5	Có	2023 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC); eISSN: 2162-1039	- Scopus		462-467	11/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([26] [33] [34] [35])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Rà soát, cải tiến chương trình đào tạo 180 tín chỉ tích hợp Cử nhân – Kỹ sư ngành Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	Tham gia	QĐ số 2060/QĐ-ĐHBK ngày 16 tháng 8 năm 2021	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng	QĐ số 1339/QĐ-ĐHBK ngày 30 tháng 6 năm 2020	Tham gia

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 30 tháng 06 năm 2024

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Phương Mai